**PHẦN II.**

**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**

**II. Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng**

**01. Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh**

***a) Trình tự thực hiện:***

**+** Thương nhân kinh doanh sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp phép xem xét và cấp giấy phép có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, thẩm định và cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, cơ quan cấp phép có văn bản yêu cầu bổ sung.

***b) Cách thức thực hiện:*** Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

Địa chỉ: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:*** Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanhgồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh;

- Bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật); bản sao Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

- Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc dự kiến sản xuất.

***d) Thời hạn giải quyết:*** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Thương nhân kinh doanh sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

***f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng kinh tế; Phòng kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

Địa chỉ: Phòng kinh tế; Phòng kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

***g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

***h) Phí, lệ phí (nếu có):*** Theo quy định tại Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1).

***+*** Mức thu phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là: 1.100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định/hồ sơ

***i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Đơn đề nghị Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (theo mẫu tại Phụ lục 01 kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

***j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):***

- Điều kiện cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh:

+ Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

+ Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm và ghi nhãn hàng hóa rượu theo quy định.

***k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1).

**Mẫu số 01**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:     / | *……….., ngày ……. tháng ……… năm …………* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

…………….(1)……………..

Kính gửi: ………………..(2)………………………………………….

Tên thương nhân: ..............................................................................................................

Địa chỉ trụ sở chính: ………………………….. Điện thoại: ………………. Fax: .........................

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: …………………………………. Điện thoại:................................

Fax: ....................................................................................................................................

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số ………. do…………..……… cấp ngày…….. tháng ……. năm …………

Đề nghị......(2)..... xem xét cấp Giấy phép……..(1)………., cụ thể là:

(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

Được phép sản xuất rượu như sau:

Sản xuất các loại rượu: ………………(3)...........................................................................................

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu: ………..(4).....................................................................................

**Được phép tổ chức phân phối rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu: …….(3)….. của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau:............................................................................

……….(5)......................................................................................................................................

Được phép tổ chức hệ thống phân phối rượu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:

.................................................................................................................................................

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau: ........................

.............................................................................................................................................

**Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu: …………(3)…….. của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

………….(5)...................................................................................................................................

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau: .......

.....................................................................................................................................................

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau: ....................................

**Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu: …….(3)….... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

……..(5).........................................................................................................................................

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm sau: ...............................................................................

**Được phép tổ chức bán rượu tiêu dùng tại chỗ như sau:**

Được phép mua các loại rượu: ……….(3)………… của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu, thương nhân bán lẻ rượu sau: …….(5).......................................................

Được phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:

…….(6) ... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số ……./2017/NĐ-CP ngày.... tháng .... năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))* |

***Chú thích:***

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(4): Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ.

(6): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

**02. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh**

***a) Trình tự thực hiện:***

**+** Thương nhân kinh doanh sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

+ Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp phép xem xét và cấp giấy phép có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, thẩm định và cấp Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, cơ quan cấp phép có văn bản yêu cầu bổ sung.

***b) Cách thức thực hiện:*** Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

Địa chỉ: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:*** Hồ sơ đề nghị cấp Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanhgồm:

- Đơn đề nghị cấp Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh;

- Bản sao giấy phép đã được cấp;

- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

***d) Thời hạn giải quyết:*** 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Thương nhân kinh doanh sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

***f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng kinh tế; Phòng kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

Địa chỉ: Phòng kinh tế; Phòng kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

***g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

***h) Phí, lệ phí (nếu có):*** Theo quy định tại Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1)

***+*** Mức thu phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là: 1.100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định/hồ sơ

***i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Đơn đề nghị Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (theo mẫu tại Phụ lục 02 kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

***j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):***

- Điều kiện cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh:

+ Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

+ Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm và ghi nhãn hàng hóa rượu theo quy định.

***k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1);

Mẫu số 02

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số:     / | *……….., ngày ……. tháng ……… năm …………* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP ……(1)……**

Kính gửi: ………………(2)……………………………………

Tên thương nhân: .............................................................................................................

Địa chỉ trụ sở chính: …………………….. Điện thoại: ……………… Fax:.................

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:.........................................................................................

Điện thoại: ………………………… Fax: ......................................................................

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số ……………… do ...................cấp ngày ………….. tháng……… năm …………;

Giấy phép......(1)……. đã được cấp số…….. do …… cấp ngày …… tháng ……. năm ……

Giấy phép...(1)....đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số ……. do ……. cấp ngày…… tháng …… năm …………

……….(3)…… đề nghị ………..(2)....xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung) Giấy phép....(1)……, với lý do cụ thể như sau:

Thông tin cũ: ...................................................................................................................

Thông tin mới: .................................................................................................................

……….(4)...........................................................................................................................

…….(3)….. xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số ………   /2017/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))* |

***Chú thích:***

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

(4): Nội dung sửa đổi, bổ sung.

**03. Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh**

***a) Trình tự thực hiện:***

**+** Thương nhân kinh doanh sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

+ Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp phép xem xét và cấp giấy phép có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, thẩm định và cấp Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, cơ quan cấp phép có văn bản yêu cầu bổ sung.

***b) Cách thức thực hiện:*** Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

Địa chỉ: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:*** Hồ sơ đề nghị cấp Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanhgồm:

- Đơn đề nghị cấp Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh;

- Bản sao giấy phép đã được cấp;

***d) Thời hạn giải quyết:*** 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Thương nhân kinh doanh sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

***f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng kinh tế; Phòng kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

Địa chỉ: Phòng kinh tế; Phòng kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

***g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

***h) Phí, lệ phí (nếu có):*** Theo quy định tại Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1)

***+*** Mức thu phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là: 1.100.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định/hồ sơ

***i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Đơn đề nghị Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (theo mẫu tại Phụ lục 03 kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

***j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):***

- Điều kiện cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh:

+ Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

+ Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm và ghi nhãn hàng hóa rượu theo quy định.

***k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1);

Mẫu số 03

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số:     / | *……….., ngày ……. tháng ……… năm …………* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP ……(1)…….  
*(trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)***

Kính gửi:………….(2)……………………………………………..

Tên thương nhân: .............................................................................................................

Địa chỉ trụ sở chính: ……………………….. Điện thoại: …………… Fax:.................

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: ………………..Điện thoại: …..…………… Fax: .........

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số ……………… do .............cấp ngày ………….. tháng……… năm …………;

Giấy phép......(1)……. đã được cấp số…….. do …… cấp ngày …… tháng ……. năm ……

Giấy phép...(1)....đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số ……. do ……. cấp ngày…… tháng …… năm …………

……….(3)…… đề nghị ………..(2).... xem xét cấp lại Giấy phép……...(1)……, với lý do cụ thể như sau:……..(4)

…….(3)….. xin cam đoan lý do trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số………   /2017/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))* |

***Chú thích:***

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

(4): Lý do xin cấp lại.

**04. Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện.**

***a) Trình tự thực hiện:***

**+** Cơ sở công nghiệp nông thôn nộp 02 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

+ Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét, kiểm tra, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, cơ quan cấp phép có văn bản yêu cầu bổ sung.

***b) Cách thức thực hiện:*** Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

Địa chỉ: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:*** Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện gồm:

- Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm của các cơ sở công nghiệp nông thôn (theo mẫu tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT) kèm theo bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương.

- Bản thuyết minh, mô tả giới thiệu về sản phẩm đăng ký bình chọn (theo mẫu tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT) kèm theo 03 ảnh màu, cỡ tối thiểu (10 x 15)cm của sản phẩm được chụp tại 3 góc độ khác nhau (chính diện, mặt bên, từ trên xuống).

- Bản sao hợp lệ các tài liệu khác còn giá trị pháp lý liên quan đến sản phẩm (nếu có) như: Chứng chỉ, chứng nhận về tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm; giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; giấy khen, bằng khen cho sản phẩm và các giấy tờ liên quan khác

***d) Thời hạn giải quyết:*** 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Cơ sở công nghiệp nông thôn.

***f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng kinh tế; Phòng kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

Địa chỉ: Phòng kinh tế; Phòng kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

***g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện.

***h) Phí, lệ phí (nếu có):*** không thu phí

***i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm của các cơ sở công nghiệp nông thôn (theo mẫu tại Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02) theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2014/TT-BCT.

***j)*** ***Tiêu chí bình chọn:***

Việc bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được đánh giá thông qua các tiêu chí cơ bản sau:

+ Tiêu chí về đáp ứng thị trường và khả năng phát triển sản xuất;

+ Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật - xã hội và môi trường;

+ Tiêu chí về tính văn hóa và thẩm mỹ;

+ Tiêu chí khác.

***k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Nghị định 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về Khuyến công;

- Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu;

- Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2014/TT-BCT;

- Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc ban hành Quy chế bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

**Phụ lục số 1**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

|  |  |
| --- | --- |
| **(Tên Cơ sở CNNT) ………….. -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
|  | *………, ngày…tháng…năm…* |

**PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA**

**BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| □ cấp Huyện | □ cấp Tỉnh | □ cấp Khu vực | □ cấp Quốc gia |

Kính gửi: Hội đồng bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

**1. Tên cơ sở công nghiệp nông thôn**

Tên viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa có dấu*): ...........................................................................................................................................

Tên viết tắt (*nếu có*): ........................................ Mã số (*nếu có*): .....................................

Địa chỉ trụ sở chính: .........................................................................................................

...........................................................................................................................................

Họ và tên người đại diện theo pháp luật: ..........................................................................

Chức danh: ........................................................................................................................

Điện thoại: ...................................................... Fax: .........................................................

Email: ............................................................. Website: .................................................

Cơ sở công nghiệp nông thôn thuộc trong các loại hình sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| □ Công ty cổ phần | □ Doanh nghiệp tư nhân | □ Trung tâm |
| □ Công ty TNHH | □ Hợp tác xã | □ Cơ sở sản xuất |
| □ Hộ kinh doanh | □ Khác (*ghi rõ loại hình*):……………………………… | |

Tài khoản số: .................................................. Chủ tài khoản: .........................................

Mở tại ngân hàng: ........................................... Chi nhánh: ..............................................

**2. Thông tin về chi nhánh** (*nếu có*)

Tên chi nhánh: ..................................................................................................................

Địa chỉ chi nhánh: .............................................................................................................

Mã số chi nhánh: ..............................................................................................................

**3. Thông tin về địa điểm sản xuất**

Tên địa điểm sản xuất: (*nếu nằm ngoài trụ sở chính và chi nhánh*) ...............................

Địa chỉ địa điểm sản xuất: ................................................................................................

Các văn bản, giấy tờ liên quan đến địa điểm sản xuất: ...........................................................................................................................................

**4. Ngành, nghề kinh doanh chính**

Số đăng ký kinh doanh, Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Hộ kinh doanh:...............................

Ngày cấp, nơi cấp .............................................................................................................

Các ngành, nghề kinh doanh chính

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên ngành** | **Mã ngành** |
|  |  |  |
|  |  |  |

**5. Quy mô vốn, tài sản và lao động**

Vốn đăng ký kinh doanh (*bằng số; VNĐ*):.......................................................................

Vốn điều lệ (*bằng số; VNĐ*): ............................................................................................

Vốn pháp định (*đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ*):.................................................................................................................................

Tổng tài sản theo bảng cân đối kế toán thời gian gần nhất: .............................................

Tổng số lao động hiện đang sử dụng: ...............................................................................

Trong đó: Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội: ...........................................................

Thu nhập bình quân lao động (*bằng số VNĐ/người*): ......................................................

**6. Tình hình chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước**

Các giải thưởng: Huân huy chương, Bằng khen, Giấy khen, giấy chứng nhận đã đạt được:................................................................................................................................ ;

□ Đáp ứng đầy đủ các điều kiện về sản xuất, kinh doanh theo luật định;

□ Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ khác theo luật định;

□ Tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường; đảm bảo các quyền lợi đối với người lao động;

□ Khác (ghi chi tiết) .........................................................................................................

Sau khi tìm hiểu về Chương trình bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, chúng tôi tự nguyện đăng ký sản phẩm tham gia bình chọn như sau:

**7. Tên sản phẩm hoặc bộ sản phẩm: .............................................................................**

**...........................................................................................................................................**

Sản phẩm đăng ký bình chọn thuộc một trong các nhóm sản phẩm sau:

|  |  |
| --- | --- |
| □ Thủ công mỹ nghệ | □ Chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm |
| □ Thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí | □ Khác (ghi rõ nhóm sản phẩm):... |

Chúng tôi cam kết là chủ sở hữu hợp pháp của sản phẩm, bộ sản phẩm nêu trên; sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường; thực hiện đầy đủ quy định của Hội đồng bình chọn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác đối với các tài liệu, thông tin được cung cấp, kê khai trong hồ hơ đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện Cơ sở công nghiệp nông thôn** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có) )* |

**Phụ lục số 2**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

|  |  |
| --- | --- |
| **(Tên Cơ sở CNNT) ………….. -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
|  | *……., ngày… tháng…năm...* |

**THUYẾT MINH, MÔ TẢ GIỚI THIỆU SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn: ...................................................................................

Địa chỉ: .............................................................................................................................

Người đại diện: ............................................... ; Chức vụ: ...............................................

Điện thoại: ...................................................... ; Email: .......................................................

**I. THÔNG TIN CHUNG**

Tên sản phẩm: ....................................................................................................................

Sản phẩm đăng ký bình chọn thuộc một trong các nhóm sau:

|  |  |
| --- | --- |
| □ Thủ công mỹ nghệ | □ Chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm |
| □ Thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí | □ Khác (ghi rõ nhóm sản phẩm):... |

Kích cỡ (dài, rộng, cao): ...................................................................................................

Trọng lượng sản phẩm (kg): .............................................................................................

Ký hiệu sản phẩm (nếu có): ..............................................................................................

Tính năng, công dụng chính của sản phẩm: .....................................................................

**II. NỘI DUNG THÔNG TIN CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN SẢN PHẨM**

Tùy vào từng loại sản phẩm, thực tế sản xuất kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn, nêu tóm tắt một số nội dung sau:

**1. Quy mô sản xuất, kinh doanh và thị trường tiêu thụ**

*1.1. Quy mô sản xuất và kinh doanh:*

Số lượng sản phẩm sản xuất/năm: .......................

|  |  |
| --- | --- |
| Năm trước năm bình chọn………………. | Năm tham gia bình chọn:……………….. |

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn: ...................................................................

Trong đó: Số lượng sản phẩm xuất khẩu/năm: .................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| Năm trước năm bình chọn………………. | Năm tham gia bình chọn:……………….. |

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn: ...................................................................

Doanh thu của sản phẩm/năm: .........................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| Năm trước năm bình chọn………………. | Năm tham gia bình chọn:……………….. |

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn: ...................................................................

Trong đó: Doanh thu của sản phẩm xuất khẩu/năm (nếu có): ..........................................

|  |  |
| --- | --- |
| Năm trước năm bình chọn………………. | Năm tham gia bình chọn:……………….. |

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn: ...................................................................

Nộp ngân sách nhà nước (năm trước và dự kiến năm hiện tại): .......................................

Nguyên vật liệu chính sử dụng sản xuất sản phẩm: .........................................................

Tỷ lệ nguyên vật liệu chính sử dụng trong nước ……….%.

Tỷ lệ nguyên vật liệu chính sử dụng nhập khẩu ………..%.

Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh sản phẩm:

|  |  |
| --- | --- |
| □ Đáp ứng được nhu cầu, thị hiếu của thị trường và người tiêu dùng | □ Có khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu |
| □ Có khả năng sản xuất với số lượng lớn | □ Khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm |
| □ Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác |
| □ Đánh giá khác (*ghi chi tiết*):... |

Tóm tắt quy trình, công nghệ sản xuất sản phẩm: ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................. Đánh giá trình độ công nghệ, thiết bị đang sản xuất sản phẩm.

|  |  |
| --- | --- |
| □ Công nghệ, thiết bị hiện đại; có khả năng tự động hóa trong sản xuất sản phẩm | □ Công nghệ, thiết bị sản xuất sản phẩm đồng bộ, phù hợp với năng lực sản xuất của doanh nghiệp |
| □ Công nghệ, thiết bị ít tiêu hao năng lượng, nhiên liệu khi vận hành sản xuất | □ Công nghệ, thiết bị sản xuất giảm thiểu gây hại môi trường |
| □ Đánh giá khác (*ghi chi tiết*):………………………………………………………….. | |

***2.2. Về thị trường tiêu thụ:***

Thị trường tiêu thụ sản phẩm:

Tỷ lệ sản phẩm tiêu thụ tại thị trường trong nước ………..%.

Tỷ lệ sản phẩm tiêu thụ tại thị trường ngoài nước ………..%.

Đánh giá tiềm năng, mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường:.....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

Đánh giá khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu (nếu có):.....................

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

**2. Bảo vệ môi trường**

Nêu tóm tắt tác động môi trường và việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất sản phẩm

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

**3. Tính văn hóa, tính thẩm mỹ của sản phẩm**

Đánh giá mức độ thể hiện tính đặc thù văn hóa dân tộc: .................................................

Tính kế thừa, hoàn thiện và phát huy các giá trị văn hóa của sản phẩm: .........................

Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo; hình thức, mẫu mã, bao bì đẹp: ...............................

**4. Một số nội dung khác**

Các chứng nhận liên quan: Quy định đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn thuộc nhóm ngành sản xuất có điều kiện theo quy định pháp luật; (ví dụ: Giấy phép sản xuất; Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm,...).

Các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận:

...........................................................................................................................................

Các giải thưởng, bằng khen, giấy chứng nhận,...đã đạt được:……..................................

...........................................................................................................................................

Tình hình thực hiện các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước:................................................

Tham gia các hoạt động công ích xã hội: .........................................................................

Đánh giá các tác động xã hội khác (nếu có): ......................................................................................................................................................................................................................................................................................

**III. TỰ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN**

**...........................................................................................................................................**

**...........................................................................................................................................**

**...........................................................................................................................................**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện Cơ sở công nghiệp nông thôn** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)* |

**05. Cấp Giấy phép bán lẻ rượu**

***a) Trình tự thực hiện:***

**+** Thương nhân kinh doanh bán lẻ rượu nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp phép xem xét và cấp giấy phép có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, thẩm định và cấp Giấy phép bán lẻ rượu. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, cơ quan cấp phép có văn bản yêu cầu bổ sung.

***b) Cách thức thực hiện:*** Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

Địa chỉ: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:*** Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượugồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh.

- Bản sao hợp đồng thuê/mượn hoặc tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp cơ sở dự kiến làm địa điểm bán lẻ.

- Bản sao văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

- Bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật) của các sản phẩm rượu dự kiến kinh doanh.

- Bản cam kết do thương nhân tự lập, trong đó nêu rõ nội dung thương nhân bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật tại các địa điểm bán lẻ rượu.

***d) Thời hạn giải quyết:*** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Thương nhân kinh doanh bán lẻ rượu.

***f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng kinh tế; Phòng kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

Địa chỉ: Phòng kinh tế; Phòng kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

***g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Cấp Giấy phép bán lẻ rượu.

***h) Phí, lệ phí (nếu có):*** Theo quy định tại Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1).

+ Phí thẩm định điều kiện hoạt động:

Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Thu phí thẩm định:

+ Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là: 1.200.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là: 400.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Tại các khu vực khác: Bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.

***i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu (theo mẫu tại Phụ lục 01 kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

***j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):***

- Điều kiện cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh:

+ Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

+ Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng.

+ Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

+ Rượu dự kiến kinh doanh phải bảo đảm điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định.

+ Bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định.

***k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1);

**Mẫu số 01**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:     / | *……….., ngày ……. tháng ……… năm …………* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

…………….(1)……………..

Kính gửi: ………………..(2)………………………………………….

Tên thương nhân: ..............................................................................................................

Địa chỉ trụ sở chính: ………………………….. Điện thoại: ………………. Fax: .........................

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: …………………………………. Điện thoại:................................

Fax: ....................................................................................................................................

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số ………. do…………..……… cấp ngày…….. tháng ……. năm …………

Đề nghị......(2)..... xem xét cấp Giấy phép……..(1)………., cụ thể là:

(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

Được phép sản xuất rượu như sau:

Sản xuất các loại rượu: ………………(3)...........................................................................................

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu: ………..(4).....................................................................................

**Được phép tổ chức phân phối rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu: …….(3)….. của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau:............................................................................

……….(5)......................................................................................................................................

Được phép tổ chức hệ thống phân phối rượu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:

.................................................................................................................................................

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau: ........................

.............................................................................................................................................

**Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu: …………(3)…….. của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

………….(5)...................................................................................................................................

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau: .......

.....................................................................................................................................................

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau: ....................................

**Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu: …….(3)….... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

……..(5).........................................................................................................................................

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm sau: ...............................................................................

**Được phép tổ chức bán rượu tiêu dùng tại chỗ như sau:**

Được phép mua các loại rượu: ……….(3)………… của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu, thương nhân bán lẻ rượu sau: …….(5).......................................................

Được phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:

…….(6) ... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số ……./2017/NĐ-CP ngày.... tháng .... năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))* |

***Chú thích:***

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(4): Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ.

(6): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

**06. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu**

***a) Trình tự thực hiện:***

**+** Thương nhân kinh doanh bán lẻ rượu nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

+ Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp phép xem xét và cấp giấy phép có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, thẩm định và cấp cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, cơ quan cấp phép có văn bản yêu cầu bổ sung.

***b) Cách thức thực hiện:*** Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

Địa chỉ: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:*** Hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượugồm:

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu;

- Bản sao giấy phép đã được cấp;

- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

***d) Thời hạn giải quyết:*** 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Thương nhân kinh doanh bán lẻ rượu.

***f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng kinh tế; Phòng kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

Địa chỉ: Phòng kinh tế; Phòng kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

***g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Cấp cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu.

***h) Phí, lệ phí (nếu có):*** Theo quy định tại Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1);

+ Phí thẩm định điều kiện hoạt động:

Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Thu phí thẩm định:

+ Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là: 1.200.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là: 400.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Tại các khu vực khác: Bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.

***i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu (theo mẫu tại Phụ lục 02 kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

***j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):***

- Điều kiện cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu:

+ Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

+ Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng.

+ Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

+ Rượu dự kiến kinh doanh phải bảo đảm điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định.

+ Bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định.

***k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1);

Mẫu số 02

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số:     / | *……….., ngày ……. tháng ……… năm …………* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP ……(1)……**

Kính gửi: ………………(2)……………………………………

Tên thương nhân: .............................................................................................................

Địa chỉ trụ sở chính: …………………….. Điện thoại: ……………… Fax:.................

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:.........................................................................................

Điện thoại: ………………………… Fax: ......................................................................

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số ……………… do ...................cấp ngày ………….. tháng……… năm …………;

Giấy phép......(1)……. đã được cấp số…….. do …… cấp ngày …… tháng ……. năm ……

Giấy phép...(1)....đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số ……. do ……. cấp ngày…… tháng …… năm …………

……….(3)…… đề nghị ………..(2)....xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung) Giấy phép....(1)……, với lý do cụ thể như sau:

Thông tin cũ: ...................................................................................................................

Thông tin mới: .................................................................................................................

……….(4)...........................................................................................................................

…….(3)….. xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số ………   /2017/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))* |

***Chú thích:***

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

(4): Nội dung sửa đổi, bổ sung.

**07. Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu**

***a) Trình tự thực hiện:***

**+** Thương nhân kinh doanh bán lẻ rượu nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

+ Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp phép xem xét và cấp giấy phép có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, thẩm định và cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, cơ quan cấp phép có văn bản yêu cầu bổ sung.

***b) Cách thức thực hiện:*** Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

Địa chỉ: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:*** Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ rượugồm:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu;

- Bản sao giấy phép đã được cấp;

***d) Thời hạn giải quyết:*** 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Thương nhân kinh doanh bán lẻ rượu.

***f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng kinh tế; Phòng kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

Địa chỉ: Phòng kinh tế; Phòng kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

***g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu.

***h) Phí, lệ phí (nếu có):*** Theo quy định tại Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1);

+ Phí thẩm định điều kiện hoạt động:

Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Thu phí thẩm định:

+ Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là: 1.200.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là: 400.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Tại các khu vực khác: Bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.

***i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu (theo mẫu tại Phụ lục 03 kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

***j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):***

- Điều kiện cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu:

+ Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

+ Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng.

+ Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

+ Rượu dự kiến kinh doanh phải bảo đảm điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định.

+ Bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định.

***k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1).

Mẫu số 03

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số:     / | *……….., ngày ……. tháng ……… năm …………* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP ……(1)…….  
*(trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)***

Kính gửi:………….(2)……………………………………………..

Tên thương nhân: .............................................................................................................

Địa chỉ trụ sở chính: ……………………….. Điện thoại: …………… Fax:.................

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: ………………..Điện thoại: …..…………… Fax: .........

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số ……………… do .............cấp ngày ………….. tháng……… năm …………;

Giấy phép......(1)……. đã được cấp số…….. do …… cấp ngày …… tháng ……. năm ……

Giấy phép...(1)....đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số ……. do ……. cấp ngày…… tháng …… năm …………

……….(3)…… đề nghị ………..(2).... xem xét cấp lại Giấy phép……...(1)……, với lý do cụ thể như sau:……..(4)

…….(3)….. xin cam đoan lý do trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số………   /2017/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))* |

***Chú thích:***

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

(4): Lý do xin cấp lại.

**08. Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ.**

***a) Trình tự thực hiện:***

**+** Thương nhân kinh doanh bán rượu tiêu dùng tại chỗ nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp phép xem xét và cấp giấy phép có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, thẩm định và cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, cơ quan cấp phép có văn bản yêu cầu bổ sung.

***b) Cách thức thực hiện:*** Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

Địa chỉ: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:*** Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh;

- Bản sao hợp đồng thuê/mượn hoặc tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp cơ sở dự kiến làm địa điểm bán rượu tiêu dùng tại chỗ;

- Bản sao hợp đồng mua bán rượu với các thương nhân có Giấy phép sản xuất, phân phối, bán buôn hoặc bán lẻ rượu;

- Bản cam kết do thương nhân tự lập, trong đó nêu rõ nội dung thương nhân bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật tại các địa điểm bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

***d) Thời hạn giải quyết:*** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Thương nhân kinh doanh bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

***f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng kinh tế; Phòng kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

Địa chỉ: Phòng kinh tế; Phòng kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

***g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

***h) Phí, lệ phí (nếu có):*** Theo quy định tại Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1); Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa

+ Phí thẩm định điều kiện hoạt động:

Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Thu phí thẩm định:

+ Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là: 1.200.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là: 400.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Tại các khu vực khác: Bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.

***i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ (theo mẫu số 01 kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

***j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):***

- Điều kiện cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ:

+ Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật;

+ Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng;

+ Rượu tiêu dùng tại chỗ phải được cung cấp bởi thương nhân có Giấy phép sản xuất, phân phối, bán buôn hoặc bán lẻ rượu;

+ Bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định;

+ Trường hợp thương nhân tự sản xuất rượu để bán tiêu dùng tại chỗ thì phải có Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp hoặc Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.

***k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1); Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa

**Mẫu số 01**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:     / | *……….., ngày ……. tháng ……… năm …………* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

…………….(1)……………..

Kính gửi: ………………..(2)………………………………………….

Tên thương nhân: ..............................................................................................................

Địa chỉ trụ sở chính: ………………………….. Điện thoại: ………………. Fax: .........................

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: …………………………………. Điện thoại:................................

Fax: ....................................................................................................................................

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số ………. do…………..……… cấp ngày…….. tháng ……. năm …………

Đề nghị......(2)..... xem xét cấp Giấy phép……..(1)………., cụ thể là:

(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

Được phép sản xuất rượu như sau:

Sản xuất các loại rượu: ………………(3)...........................................................................................

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu: ………..(4).....................................................................................

**Được phép tổ chức phân phối rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu: …….(3)….. của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau:............................................................................

……….(5)......................................................................................................................................

Được phép tổ chức hệ thống phân phối rượu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:

.................................................................................................................................................

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau: ........................

.............................................................................................................................................

**Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu: …………(3)…….. của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

………….(5)...................................................................................................................................

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau: .......

.....................................................................................................................................................

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau: ....................................

**Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu: …….(3)….... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

……..(5).........................................................................................................................................

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm sau: ...............................................................................

**Được phép tổ chức bán rượu tiêu dùng tại chỗ như sau:**

Được phép mua các loại rượu: ……….(3)………… của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu, thương nhân bán lẻ rượu sau: …….(5).......................................................

Được phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:

…….(6) ... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số ……./2017/NĐ-CP ngày.... tháng .... năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))* |

***Chú thích:***

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(4): Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ.

(6): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

**09. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ.**

***a) Trình tự thực hiện:***

**+** Thương nhân kinh doanh bán rượu tiêu dùng tại chỗ nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

+ Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp phép xem xét và cấp giấy phép có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, thẩm định và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, cơ quan cấp phép có văn bản yêu cầu bổ sung.

***b) Cách thức thực hiện:*** Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

Địa chỉ: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:*** Hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ gồm:

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ;

- Bản sao giấy phép đã được cấp;

- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

***d) Thời hạn giải quyết:*** 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Thương nhân kinh doanh bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

***f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng kinh tế; Phòng kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

Địa chỉ: Phòng kinh tế; Phòng kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

***g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

***h) Phí, lệ phí (nếu có):*** Theo quy định tại Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1); Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa

+ Phí thẩm định điều kiện hoạt động:

Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Thu phí thẩm định:

+ Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là: 1.200.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là: 400.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Tại các khu vực khác: Bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.

***i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ (theo mẫu số 02) kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

***j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):***

- Điều kiện cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ:

+ Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật;

+ Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng;

+ Rượu tiêu dùng tại chỗ phải được cung cấp bởi thương nhân có Giấy phép sản xuất, phân phối, bán buôn hoặc bán lẻ rượu;

+ Bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định;

+ Trường hợp thương nhân tự sản xuất rượu để bán tiêu dùng tại chỗ thì phải có Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp hoặc Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.

***k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1); Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa

Mẫu số 02

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số:     / | *……….., ngày ……. tháng ……… năm …………* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP ……(1)……**

Kính gửi: ………………(2)……………………………………

Tên thương nhân: .............................................................................................................

Địa chỉ trụ sở chính: …………………….. Điện thoại: ……………… Fax:.................

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:.........................................................................................

Điện thoại: ………………………… Fax: ......................................................................

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số ……………… do ...................cấp ngày ………….. tháng……… năm …………;

Giấy phép......(1)……. đã được cấp số…….. do …… cấp ngày …… tháng ……. năm ……

Giấy phép...(1)....đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số ……. do ……. cấp ngày…… tháng …… năm …………

……….(3)…… đề nghị ………..(2)....xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung) Giấy phép....(1)……, với lý do cụ thể như sau:

Thông tin cũ: ...................................................................................................................

Thông tin mới: .................................................................................................................

……….(4)...........................................................................................................................

…….(3)….. xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số ………   /2017/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))* |

***Chú thích:***

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.(3): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.(4): Nội dung sửa đổi, bổ sung.

**10. Cấp lại giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ.**

***a) Trình tự thực hiện:***

**+** Thương nhân kinh doanh bán rượu tiêu dùng tại chỗ nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

+ Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp phép xem xét và cấp giấy phép có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, thẩm định và cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, cơ quan cấp phép có văn bản yêu cầu bổ sung.

***b) Cách thức thực hiện:*** Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

Địa chỉ: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:*** Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ chỗ gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ;

- Bản sao giấy phép đã được cấp;

- Cơ quan cấp giấy phép căn cứ vào hồ sơ đã lưu và hồ sơ đề nghị cấp lại của thương nhân để cấp lại giấy phép;

- Thời hạn của giấy phép sẽ được giữ nguyên như cũ.

***d) Thời hạn giải quyết:*** 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Thương nhân kinh doanh bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

***f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng kinh tế; Phòng kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

Địa chỉ: Phòng kinh tế; Phòng kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

***g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ chỗ.

***h) Phí, lệ phí (nếu có):*** Theo quy định tại Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1); Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa

+ Phí thẩm định điều kiện hoạt động:

Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Thu phí thẩm định:

+ Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là: 1.200.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là: 400.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Tại các khu vực khác: Bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.

***i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Đơn đề nghị cấp cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ chỗ (theo mẫu số 03) kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

***j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):***

- Điều kiện cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ chỗ:

+ Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật;

+ Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng;

+ Rượu tiêu dùng tại chỗ phải được cung cấp bởi thương nhân có Giấy phép sản xuất, phân phối, bán buôn hoặc bán lẻ rượu;

+ Bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định;

+ Trường hợp thương nhân tự sản xuất rượu để bán tiêu dùng tại chỗ thì phải có Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp hoặc Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.

***k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1); Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa

Mẫu số 03

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số:     / | *……….., ngày ……. tháng ……… năm …………* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP ……(1)…….  
*(trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)***

Kính gửi:………….(2)……………………………………………..

Tên thương nhân: .............................................................................................................

Địa chỉ trụ sở chính: ……………………….. Điện thoại: …………… Fax:.................

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: ………………..Điện thoại: …..…………… Fax: .........

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số ……………… do .............cấp ngày ………….. tháng……… năm …………;

Giấy phép......(1)……. đã được cấp số…….. do …… cấp ngày …… tháng ……. năm ……

Giấy phép...(1)....đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số ……. do ……. cấp ngày…… tháng …… năm …………

……….(3)…… đề nghị ………..(2).... xem xét cấp lại Giấy phép……...(1)……, với lý do cụ thể như sau:……..(4)

…….(3)….. xin cam đoan lý do trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số………   /2017/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))* |

***Chú thích:***

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

(4): Lý do xin cấp lại.

**11. Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá**

***a) Trình tự thực hiện:*** Trình tự này áp dụng cho trường hợp cấp Giấy phép lần đầu và cấp lại do Giấy phép đã được cấp hết hiệu lực. Trước thời hạn hết hiệu lực của Giấy chứng nhận 30 ngày, tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép trong trường hợp tiếp tục đầu tư trồng cây thuốc lá. Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại do Giấy phép hết hiệu lực như đối với trường hợp cấp lần đầu.

*Trình tự như sau:*

**+** Thương nhân kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc látại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

+ Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp phép xem xét và cấp giấy phép có trách nhiệm xem xét, kiểm tra thẩm định và cấp Giấy phép phân phối, bán buôn, bán lẻ cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, cơ quan cấp phép có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ.

***b) Cách thức thực hiện:*** Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

Địa chỉ: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:*** Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lágồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

- Bản sao các văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi sõ địa bàn sản xuất kinh doanh;

***d) Thời hạn giải quyết:*** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Thương nhân kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

***f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng kinh tế; Phòng kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

Địa chỉ: Phòng kinh tế; Phòng kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

***g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

***h) Phí, lệ phí (nếu có):*** Theo quy định tại Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1); Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

+ Phí thẩm định điều kiện hoạt động:

Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Thu phí thẩm định:

+ Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là: 1.200.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là: 400.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

Tại các khu vực khác: Bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.

***i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Đơn đề nghị Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu tại Phụ lục 23 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

***j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):***

- Điều kiện cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

+ Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

+ Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

+ Diện tích điểm kinh doanh dành cho thuốc lá tối thiểu phải có từ 03 m2 trở lên;

+ Có văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá;

+ Phù hợp với Quy hoạch hệ thống mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

***k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1); Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

**Phụ lục 23**

*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------------------------------** |
| Số:       /... | *............., ngày...... tháng....... năm............* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Phòng Công Thương (1) ......................(2)

1. Tên thương nhân:......................................................................................

2. Địa chỉ trụ sở chính: ................................................................................;

3. Điện thoại:........................................................... Fax:.............................;

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh…) số............ do............................. cấp đăng ký lần đầu ngày........ tháng......... năm......., đăng ký thay đổi lần thứ ..... ngày ..........tháng......... năm.......;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có)

- Tên: ...................................;

- Địa chỉ: ...........................;

- Điện thoại:......................... Fax:...............;

Đề nghị Phòng Công Thương (1)......................(2) xem xét cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, cụ thể như sau:

6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.......................................................................(3)

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

............................................................................................(4)

......(ghi rõ tên thương nhân).......xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật của thương nhân** *(họ và tên, ký tên, đóng dấu)* |

*Chú thích:*

(1): Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,…)

(2) Ghi rõ tên quận, huyện nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ của thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

(4): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại của các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

**12. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá**

***a) Trình tự thực hiện:*** Trình tự này áp dụng cho trường hợp cấp Giấy phép lần đầu và cấp lại do Giấy phép đã được cấp hết hiệu lực. Trước thời hạn hết hiệu lực của Giấy chứng nhận 30 ngày, tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép trong trường hợp tiếp tục đầu tư trồng cây thuốc lá. Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại do Giấy phép hết hiệu lực như đối với trường hợp cấp lần đầu.

*Trình tự như sau:*

**+** Thương nhân kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc látại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

+ Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp phép xem xét và cấp giấy phép có trách nhiệm xem xét, kiểm tra thẩm định và cấp Giấy phép phân phối, bán buôn, bán lẻ cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, cơ quan cấp phép có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ.

***b) Cách thức thực hiện:*** Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

Địa chỉ: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:*** Hồ sơ đề nghị cấp sữa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lágồm:

- Đơn đề nghị cấp sữa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

- Bản sao các văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi sõ địa bàn sản xuất kinh doanh;

***d) Thời hạn giải quyết:*** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Thương nhân kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

***f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng kinh tế; Phòng kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

Địa chỉ: Phòng kinh tế; Phòng kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

***g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

***h) Phí, lệ phí (nếu có):*** Theo quy định tại Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1); Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

+ Phí thẩm định điều kiện hoạt động:

Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Thu phí thẩm định:

+ Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là: 1.200.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là: 400.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

Tại các khu vực khác: Bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.

***i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Đơn đề nghị Cấp sữa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu tại Phụ lục 46 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

***j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):***

- Điều kiện cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

+ Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

+ Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

+ Diện tích điểm kinh doanh dành cho thuốc lá tối thiểu phải có từ 03 m2 trở lên;

+ Có văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá;

+ Phù hợp với Quy hoạch hệ thống mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

***k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1); Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

**Phụ lục 46**

*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------------------------------** |
| Số:       /... | *............., ngày...... tháng....... năm............* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

**GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Phòng Công Thương....(1)

1. Tên thương nhân : .......................:

2. Địa chỉ trụ sở chính: ......................;

3. Điện thoại:......................... Fax:...............;

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh…) số............ do............................. cấp đăng ký lần đầu ngày........ tháng......... năm......., đăng ký thay đổi lần thứ ..... ngày ..........tháng......... năm.......;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):

- Tên: ...................................;

- Địa chỉ: ...........................;

- Điện thoại:......................... Fax:...............;

6. Đã được Phòng Công Thương...(1) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số..........ngày..... tháng.....năm......

7. Đã được Phòng Công Thương...(1) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (sửa đổi, bổ sung lần thứ.......) số ....... ngày ..... tháng .....năm .....(nếu đã có)

.......(2)....

...*(ghi rõ tên thương nhân)...(3)* kính đề nghị Phòng Công Thương xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá, với lý do cụ thể như sau (*tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):*

8. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...), chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh,...)

Thông tin cũ:..................

Thông tin mới:.............

9. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá, như sau:

- Được phép mua sản phẩm thuốc lá của thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.......................................................................(4)

- Để tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

...........................................................................(5)

10. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

a) Đề nghị sửa đổi:

Thông tin cũ:...................

Thông tin mới:..........................................(5)

b) Đề nghị bổ sung:

..............................................................(6)

......(*ghi rõ tên thương nhân*)......... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật của thương nhân** (họ và tên, ký tên, đóng dấu) |

Chú thích:

(1) Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,…)

(2): Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).

(3): Tên Thương nhân.

(4): Ghi rõ tên, địa chỉ thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

(6) Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung.

**13. Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá**

***a) Trình tự thực hiện:*** Trình tự này áp dụng cho trường hợp cấp Giấy phép lần đầu và cấp lại do Giấy phép đã được cấp hết hiệu lực. Trước thời hạn hết hiệu lực của Giấy chứng nhận 30 ngày, tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép trong trường hợp tiếp tục đầu tư trồng cây thuốc lá. Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại do Giấy phép hết hiệu lực như đối với trường hợp cấp lần đầu.

*Trình tự như sau:*

**+** Thương nhân kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc látại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

+ Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp phép xem xét và cấp giấy phép có trách nhiệm xem xét, kiểm tra thẩm định và cấp Giấy phép phân phối, bán buôn, bán lẻ cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, cơ quan cấp phép có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ.

***b) Cách thức thực hiện:*** Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

Địa chỉ: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:*** Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lágồm:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

- Bản sao các văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi sõ địa bàn sản xuất kinh doanh;

***d) Thời hạn giải quyết:*** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Thương nhân kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

***f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng kinh tế; Phòng kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

Địa chỉ: Phòng kinh tế; Phòng kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

***g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

***h) Phí, lệ phí (nếu có):*** Theo quy định tại Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1); Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

+ Phí thẩm định điều kiện hoạt động:

Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Thu phí thẩm định:

+ Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là: 1.200.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là: 400.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

Tại các khu vực khác: Bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.

***i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu tại Phụ lục 52 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

***j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):***

- Điều kiện cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

+ Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

+ Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

+ Diện tích điểm kinh doanh dành cho thuốc lá tối thiểu phải có từ 03 m2 trở lên;

+ Có văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá;

+ Phù hợp với Quy hoạch hệ thống mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

***k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1); Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

**Phụ lục 52**

*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:       /... | *............., ngày...... tháng....... năm 20.........* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI**

**GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

*(trong trường hợp bị mấ**t, bị tiêu hủy toàn* *bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)*

Kính gửi: PHÒNG CÔNG THƯƠNG (1)

1. Tên thương nhân: .......................:

2. Địa chỉ trụ sở chính: ......................;

3. Điện thoại:......................... Fax:...............;

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...) số ........... do............................. cấp đăng ký lần đầu ngày........ tháng.........năm.......,đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày .......... tháng......... năm......;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện:

- Tên: ...................................;

- Địa chỉ: ...........................;

- Điện thoại:......................... Fax:...............;

6. Đã được Phòng Công Thương (1)........... cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số..........ngày..... tháng.....năm.....cho.... ........

7. Đã được Phòng Công Thương (1).......cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số..........ngày..... tháng.....năm.....cho.... .......(nếu có).

8....(*ghi rõ tên thương nhân*)...kính đề nghị Phòng Công Thương (1).......

xem xét cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, với lý do .... .........(2)...........

......(*ghi rõ tên thương nhân*)......... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật của thương nhân** (họ và tên, ký tên, đóng dấu) |

Chú thích:

(1): Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,…)

(2): Ghi rõ lý do xin cấp lại

**14. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai**

***a) Trình tự thực hiện:***

- Thương nhân đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.

- Trường hợp thương nhân chưa đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan Nhà nước có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện là 10 năm kể từ ngày cấp mới.

*Trình tự như sau:*

**+** Thương nhân kinh doanh bán lẻ LPG chai nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

+ Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp phép xem xét và cấp giấy phép có trách nhiệm xem xét, kiểm tra thẩm định và cấp Giấy Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, cơ quan cấp phép có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ.

***b) Cách thức thực hiện:*** Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

Địa chỉ: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:*** Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chaigồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai;

- Bản sao hợp đồng bán LPG chai với thương nhân có Giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực;

- Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy chữa cháy;

***d) Thời hạn giải quyết:*** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Thương nhân kinh doanh mua bán lẻ LPG chai.

***f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng kinh tế; Phòng kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

Địa chỉ: Phòng kinh tế; Phòng kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

***g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai

***h) Phí, lệ phí (nếu có):*** Theo quy định tại Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1); Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

+ Phí thẩm định điều kiện hoạt động:

Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Thu phí thẩm định:

+ Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là: 1.200.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là: 400.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

Tại các khu vực khác: Bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.

***i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Đơn đề nghị Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí (theo mẫu tại Phụ lục 5).

***j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):***

- Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai:

+ Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh mau bán lẻ LPG chai;

+ Có hợp đồng tối thiểu 01 năm bán LPG chai với thương nhân có Giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, trừ tường hợp cửa hàng trực thuộc của thân nhân;

+ Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật.

***k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1); Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

**Mẫu số 05**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**

**CỬA HÀNG BÁN LẺ LPG CHAI**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Kính gửi: Ủy ban nhân dân Quận/huyện…

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh: .... .......................................

Địa chỉ: .................................................................................................. ....

Điện thoại: .................................. Fax: ................. ....................................

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:. .. do............................................................ cấp ngày... tháng... năm…..

Mã số thuế số: .......................... ............................................................

Đề nghị Ủy ban nhân dân quận/huyện…xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai theo quy định tại Nghị định số… /2018/NĐ-CP ngày … tháng … năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số… /2018/NĐ-CP ngày … tháng … năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

*…., ngày….tháng…năm…*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu: … | **ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/**  **CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**15. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai**

***a) Trình tự thực hiện:***

- Thương nhân đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.

- Trường hợp thương nhân chưa đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan Nhà nước có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện là 10 năm kể từ ngày cấp mới.

*Trình tự như sau:*

**+** Thương nhân kinh doanh bán lẻ LPG chai nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

+ Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp phép xem xét và cấp giấy phép có trách nhiệm xem xét, kiểm tra thẩm định và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

***b) Cách thức thực hiện:*** Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

Địa chỉ: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:*** Hồ sơ đề nghị Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai gồm:

- Đơn đề nghị Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai;

- Bản sao hợp đồng bán LPG chai với thương nhân có Giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực;

- Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy chữa cháy;

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp lại trong trường hợp: Bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng;

+ Nội dung, thời hạn Giấy chứng nhận cấp lại không thay đổi. Giấy chứng nhận cấp lại phải có quy định hủy bỏ hiệu lực của Giấy chứng nhận bị mất, sai sót, hư hỏng;

- Hồ sơ, thủ tục cấp lại gồm: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;

- Trên cơ sở kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận được lưu, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận.

***d) Thời hạn giải quyết:*** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Thương nhân kinh doanh mua bán lẻ LPG chai.

***f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng kinh tế; Phòng kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

Địa chỉ: Phòng kinh tế; Phòng kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

***g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai

***h) Phí, lệ phí (nếu có):*** Theo quy định tại Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1); Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

+ Phí thẩm định điều kiện hoạt động:

Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Thu phí thẩm định:

+ Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là: 1.200.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là: 400.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

Tại các khu vực khác: Bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.

***i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Đơn đề nghị Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí (theo mẫu tại Phụ lục 12).

***j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):***

- Điều kiện cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai:

+ Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh mau bán lẻ LPG chai;

+ Có hợp đồng tối thiểu 01 năm bán LPG chai với thương nhân có Giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, trừ tường hợp cửa hàng trực thuộc của thân nhân;

+ Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật.

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp lại trong trường hợp: Bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng;

+ Nội dung, thời hạn Giấy chứng nhận cấp lại không thay đổi. Giấy chứng nhận cấp lại phải có quy định hủy bỏ hiệu lực của Giấy chứng nhận bị mất, sai sót, hư hỏng;

+ Hồ sơ, thủ tục cấp lại gồm: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;

+ Trên cơ sở kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận được lưu, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận.

***k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1); Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

**Mẫu số 12**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**

Kính gửi: Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện…

Sở Công Thương.

Tên thương nhân/hợp tác xã/hộ kinh doanh: …………………… ………

Địa chỉ trụ sở chính: ...................................................... ....................

Điện thoại: .................................. Fax: .....................................................

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ................... do... cấp ngày... tháng... năm…..

Mã số thuế số: ... ...........................................

Giấy chứng nhận đủ điều kiện………………… …………………..

Đề nghị Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện ……….. theo quy định tại Nghị định số …/2018/NĐ-CP ngày … tháng … năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số …/2018/NĐ-CP ngày … tháng … năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

*….,ngày….tháng…năm…*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu: … | **ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/**  **CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**16. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai**

***a) Trình tự thực hiện:***

- Thương nhân đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.

- Trường hợp thương nhân chưa đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan Nhà nước có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện là 10 năm kể từ ngày cấp mới.

*Trình tự như sau:*

**+** Thương nhân kinh doanh bán lẻ LPG chai nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

+ Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp phép xem xét và cấp giấy phép có trách nhiệm xem xét, kiểm tra thẩm định và cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

***b) Cách thức thực hiện:*** Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

Địa chỉ: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:*** Hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai gồm:

- Đơn đề nghị Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai;

- Bản sao hợp đồng bán LPG chai với thương nhân có Giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực;

- Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy chữa cháy;

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện được điều chỉnh trong trường hợp: Thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở chính; thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký;

- Hồ sơ, thủ tục điều chỉnh gồm: Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này; Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi;

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận không thay đổi.

***d) Thời hạn giải quyết:*** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Thương nhân kinh doanh mua bán lẻ LPG chai.

***f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng kinh tế; Phòng kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

Địa chỉ: Phòng kinh tế; Phòng kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

***g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai

***h) Phí, lệ phí (nếu có):*** Theo quy định tại Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1); Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

+ Phí thẩm định điều kiện hoạt động:

Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Thu phí thẩm định:

+ Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là: 1.200.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Mức thu phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là: 400.000đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

Tại các khu vực khác: Bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.

***i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Đơn đề nghị Cấp điểu chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí (theo mẫu tại Phụ lục 12).

***j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):***

- Điều kiện cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai:

+ Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh mau bán lẻ LPG chai;

+ Có hợp đồng tối thiểu 01 năm bán LPG chai với thương nhân có Giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, trừ tường hợp cửa hàng trực thuộc của thân nhân;

+ Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật.

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện được điều chỉnh trong trường hợp: Thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở chính; thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký;

+ Hồ sơ, thủ tục điều chỉnh gồm: Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này; Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi;

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận không thay đổi.

***k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số [299/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=299/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1); Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

**Mẫu số 12**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**

Kính gửi: Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện…

Sở Công Thương.

Tên thương nhân/hợp tác xã/hộ kinh doanh: …………………… ………

Địa chỉ trụ sở chính: ...................................................... ....................

Điện thoại: .................................. Fax: .....................................................

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ................... do... cấp ngày... tháng... năm…..

Mã số thuế số: ... ...........................................

Giấy chứng nhận đủ điều kiện………………… …………………..

Đề nghị Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện ……….. theo quy định tại Nghị định số …/2018/NĐ-CP ngày … tháng … năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số …/2018/NĐ-CP ngày … tháng … năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

*….,ngày….tháng…năm…*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu: … | **ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/**  **CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |